

LUẬN TẬP CHỦ PHÁP BẢO TỐI THƯỢNG NGHĨA

QUYỂN HẠ

Lại nữa, nay nói về sanh, trú, dị, diệt, bốn tướng này từng sát na, sát na đều có chỗ chuyển động. Tướng không tương ứng, và không thật, do không tương ứng và không thật nên không thể khởi lên hai sự phân biệt, không thể nói một thời, không thể nói khác thời, lại không thể nói không có thời, vì lý mâu thuẫn. Nếu nói là thời hoại (đang hoại) thì hoại tức không sanh. Thế nên biết: thời sanh không có trú, lúc trú cũng lại không có gì được có, tánh kia đã không có trú làm sao có diệt? Sanh và trú kia gọi là dị. Nếu gốc là không sanh, làm sao có thể trú, nếu pháp không trú làm sao được có? Do vì không sanh và không trú, nên đối nghĩa nào mà nói có diệt? Nếu pháp có trú, ở trong pháp trú có thể nói có tánh dị, tánh pháp đã không có trú, làm sao có tánh dị? Tánh dị đã không thì không nên phân biệt. Nên biết tánh dị, mà chẳng phải tánh trú nhưng thật sự không có một tánh mà có thể phân biệt, cho nên các tướng và tâm phân biệt đây là hai loại. Nếu không có các tướng tức không phân biệt. Nếu các tướng kia, và tâm phân biệt có phân biệt tức cả hai đều phân biệt. Nghĩa như thật là không có tướng, nên không có phân biệt. sanh, trụ, dị, diệt. Nếu có tánh thì ở tất cả thời, tất cả chỗ, tất cả pháp ở phần đầu, giữa và cuối không thể an lập. Nếu có thể như lý Tư duy như vậy, Phật nói người ấy là đại Trí. Các tánh ở đầu, giữa, cuối trong ba phần tánh ấy thật ra không có một tánh có chỗ sanh khởi. Cho nên tánh của các pháp chẳng phải một, chẳng phải nhiều; một, nhiều trung gian và cả hai đều không có gì được có. Nếu tất cả pháp, lìa một tánh, lìa nhiều tánh, thì tức là thường cùng vô thường không hề có phân biệt. Cho nên chẳng phải vô thường cũng chẳng phải không vô thường, trong đó không thể phân biệt có hai. Nên biết phần đầu phần giữa và phần cuối không cùng thời sanh, không cùng thời hiện hữu. Ví như đã

là tánh của người khác, tức tánh tự mình không có. Hoặc đã là tánh của tự thể thì tha tánh làm sao có? Ở đây nói tự tánh còn không có thì tha tánh làm sao có được? Cho nên, tự cũng không có tánh, tha cũng không có tánh. Nên biết mọi chỗ hiện hành, tạo tác của tất cả pháp không là tánh nhân. Các pháp hoại và không hoại chẳng phải là đối tượng tư duy của tâm thì không thể phân biệt, đầu, giữa và cuối. Nếu như thật tư duy đều là tướng vô vi, không có tướng dị biệt, thì tức không nên phân biệt mỗi mỗi tánh của mỗi chủng tử của mỗi mỗi các pháp. Mỗi mỗi không tách rời nhau, mà chủng tử trí sanh khởi trong mỗi một sát na, thời phần chuyển dịch nên tánh của tất cả các pháp kia với tâm chủ thể tư duy làm sao sanh khởi? Mọi sự tướng sai biệt trong tất cả pháp, nên biết không có nhân cũng không sai biệt, vì các pháp xưa nay vốn không có gì là được tạo tác, tuy có tác dụng nối tiếp mà có cái gì là thật? Cho nên tất cả các pháp sở tri và người năng tri, cả hai trong từng sát na không thể hòa hợp. Tánh kia như vậy thật có chủ thể giữ lấy, ở trong đó không có sở hữu cũng không có sở đắc, tức phải quán các pháp sanh rồi liền hoại. Nếu pháp không hoại tức chẳng phải pháp sanh, vì pháp hoại nên không có sở đắc. Pháp không hoại kia có tánh thường trú mà tánh thường trú kia cũng lại có tánh xa lìa, là ngay trong pháp lìa đó cũng xả ly. Nếu biết như vậy, tức hiểu rõ tánh sai biệt kia của các pháp. Nhân thường trú tánh vô sai biệt cũng lại như vậy. Các pháp hữu vi tức sanh tức diệt, nên gọi là không trú. Nếu có trú thì có sở đắc (đối tượng được có) vì không có tướng trú nên không có sở đắc. Kia không có pháp trú thế nên tương ưng với các hành sai biệt trong tất cả các hành. Nếu tánh của mỗi mỗi pháp kia có sở đắc thì đối với các hành không sai biệt làm sao đối trị? Cho nên trong các hành sai biệt, không có tánh có thể sanh.

Lại nữa, phải biết các thức nơi nhãn v.v... có tính hiện lượng. Chính Đức Phật đã giảng nói. Nếu lìa tánh hiện lượng có lượng khác giữ lấy là phi lượng thì trước kia đối với lượng đây làm sao có được? Mọi sự tạo tác trước đó của thế gian vốn có đều không có chỗ nương tựa, như các vật được tạo tác, không có tánh tác dụng. Hoặc có sự tạo tác hiện tiền như vậy thì sự hiện tiền đó cũng không thành tựu. Ở đây nếu có cái được hành và không được hành thì nghĩa của các tác dụng đều chống trái nhau. Cho nên, tất cả sự tạo tác không thật, đều như hư không, thường và vô thường, đều không thể chấp. Nên biết các pháp đều từ duyên sanh. Do duyên sanh nên không có một pháp nhỏ có thể giữ được, các duyên như huyễn nên pháp sanh ra cũng như huyễn, các duyên kia như vậy xuất sanh các pháp. Do ý nghĩa ấy nên các pháp không có tánh,

cũng chẳng phải không có tánh; nghĩa như thật này Đức Chánh Đẳng Chánh Giác đã giảng nói như thật. Nên biết tất cả các pháp không chấp trước, không ngăn ngại là lời nói chân thật trong pháp Đại thừa. Biết rõ như vậy tức là tâm Bồ-đề xưa nay bình đẳng. Tất cả chư Phật trong ba đời mười phương, biết rõ như thật, nên mới sinh ra phương tiện tuyên nói tất cả các pháp môn thâm diệu, tùy theo sự thích hợp mà dùng danh ngôn phân biệt. Cho nên mỗi mỗi sự tuyên nói biểu thị đã sản sinh các pháp, đó như là pháp bốn Đế, pháp duy thức v.v... Tuy có sự tuyên nói mà luôn chân thật, mà mỗi mỗi các pháp đều là như huyễn. Do như huyễn nên không thể tầm cầu suy xét, không thể biết, không biểu thị, không thâm chứa. Nếu xa lìa như vậy tức biết pháp chân thật. Từ trí chân thật đó mà mau chóng đạt tâm Bồ-đề giải thoát. Sự giải thoát đó thì chư Phật cũng vậy, chúng sanh cũng vậy, sanh tử, Niết-bàn, pháp giới cũng vậy, cho nên Phật và chúng sanh, cả hai đều bình đẳng, sanh tử và Niết-bàn cũng bình đẳng. Trong ấy, hiểu rõ như thật ý nghĩa lời dạy của đức Phật nay là Bồ-đề của chư Phật, cho nên chỗ hành chỗ tạo tác ắt có thể thành tựu. Những lời giảng nói này là đệ nhất nghĩa, là ý nghĩa ấy không có nghĩa đệ nhất khác. Đệ nhất nghĩa này thâm nhiếp tất cả pháp, là ngữ, hành chân thật không thể nghĩ bàn; lìa có, lìa không, chẳng phải trí, chẳng phải ngu, chẳng phải ít, chẳng phải nhiều, không có tướng, không có tánh, không có gì soi chiếu thấu đạt, trí không thể biết, thức không thể phân biệt, chẳng phải tự tánh mà không lìa tự tánh, không lấy, không bỏ, lìa tướng lấy, bỏ. Từ trí như thật sanh ra, tùy sự sanh ra, tùy vào nói năng không giữ tướng, không cất chứa. Chẳng phải tâm suy nghĩ nên không có thể biết, chẳng phải mắt thấy, không thể thấy. Tại sao vậy? Vì tâm không có tự tánh. Do tâm không có tự tánh, tức các pháp không tự không tha. Do không có tự, tha hai thứ sai biệt tức tự tánh của tất cả pháp tương ứng, không sanh, không diệt, không tụ không tán, chẳng phải trí, chẳng phải ngu. Không có pháp nhỏ có hiển thị nào có chiếu đạt nào, nên biết mỗi mỗi đều là chủng tử Bồ-đề, mà mỗi thứ tướng đều biểu thị rõ ràng. Hoặc có khả năng quán sát từng tướng vô ngã ấy thì chủng tử Bồ-đề cũng không được sanh. Các Bồ-tát Ma-ma-tát với tự tánh chân thật, dùng phương tiện thiện xảo xuất hiện ở đời, khởi tâm đại từ bi thị hiện điều mình chứng đắc nhưng tự tánh của các Bồ-tát chân thật không sanh, không diệt. Nên biết rõ pháp của thức xa lìa nghi hoặc thì không có một chút pháp nào có thể sanh khởi. Ngã, ngã sở rỗng không mà không và có các tướng rõ ràng biểu thị. Có tướng của thức, tướng ánh sáng mà không có tự tánh, song tánh của ánh

sáng, tánh của thức kia tự nó là thường. Cho nên tánh của ngã tướng là không có tánh ánh sáng. Trong không có ánh sáng thì sao có thể nói có tướng ánh sáng? Như các ánh sáng có khả năng phá trừ bóng tối, song tối và sáng không gần gũi, không hòa hợp. Tuy nhiên, không gần gũi thì sáng làm sao có thể phá, không hòa hợp thì tối làm sao mà phá? Hoặc tướng sáng tối xa nhau thì đều có là không có chỗ được. Thế nên, biết ánh sáng có thể phá bóng tối là bất tức bất ly không thể ở trong định mà phân biệt thật. Tối tuy có bị phá trừ nhưng không pháp năng phá. Pháp năng phá kia không có phần lượng riêng. Vì sao vậy? Vì tên gọi phá không trú. Từ đây mà biết tất cả các pháp kia đều do nhân duyên hòa hợp mà có đối tượng sanh. Do duyên sanh nên thành tựu như huyễn. Trong pháp như huyễn kia si ám v.v... cũng chẳng phải phiền não, chỉ do chướng ngại trí mà không rõ. Cho nên, lia thức phân biệt, cũng chẳng phải ánh sáng kia mà có sanh khởi. Tánh thật của cả hai đều không phân biệt, trong ấy nếu thấy một bên thì không thể được.

Lại nữa, nên biết xúc tác, ý, thọ, tưởng, tư, dục thắng giải, niệm, định, tuệ, các tâm sở hữu pháp như vậy mỗi thứ đều là tướng của Bồ-đề và tất cả là tự tánh thanh tịnh. Hoặc có pháp chẳng phải là tướng Bồ-đề, thì không tương ứng với lý tự thể. Như tự tánh hư không, vốn thanh tịnh, thì tánh trí kia cũng thanh tịnh như vậy. Nếu biết tướng ngã thật là không có gì, thì tức tâm thức kia cũng lại không sanh. Nếu thức ấy không sanh thì tất cả pháp làm sao có? Cho nên phải biết, các pháp từ chân thật mà sanh, các pháp nhân duyên hòa hợp liền sanh. Tuy sanh mà không có thật, không hề có vì các pháp đều như huyễn, tâm thức như huyễn, duyên cũng như huyễn. Do như vậy nên thức từ duyên sanh, nên biết trí tánh cũng lại như huyễn. Không có gì để phân biệt, không có gì để biết rõ, tự tướng của các pháp chẳng phải sở tri của trí, chỉ có ngôn thuyết thì đều không tương ứng. Trong đây, nếu có thể xa lia các phân biệt, hoặc sanh, hoặc diệt thủy đều xa lia, duyên năng sanh như huyễn, sở sanh cũng như huyễn thì sao trong như huyễn mà thật có sanh? Nên biết tâm thức chúng đã như huyễn thì trí cũng như huyễn. Trí như huyễn nên sự nhận biết cũng như huyễn. Trí và sự nhận biết đều có là như huyễn, nên pháp sanh cũng vậy, Pháp sanh như huyễn nên các pháp cũng vậy. Như người thấy con, Voi do huyễn thuật làm ra. Nếu như đối tượng được sanh của nó tức có ba sự tướng thì các hành trong thế gian cũng lại như vậy, giống như đối tượng được sanh kia cũng có ba sự. Nếu đối với tâm này chấp có tượng vật thấy, thì liền có ngôn thuyết và sự tạo tác vật. Nếu hiểu rõ không có tâm tức không có vật để suy

ngĩ. Không có tâm, không suy nghĩ, làm sao có các pháp? Nếu có tướng ngã và có ngã sở có thể nói có thấy, thì vô ngã và ngã sở làm sao có thấy? Tướng Bồ-đề kia cũng làm sao chứng được? Tướng vô ngã ấy như vậy nên biết. Tất cả pháp huyễn mà không hề có pháp như huyễn được hiển hiện gọi là có là có tánh không tánh là tánh của tự tánh kia. Tánh ấy không chấp trước mà tất cả hiện xứ. Nếu pháp là “có” tức chẳng phải “không”. Cái “có” ở đây hiện tại cũng lại không có “thể”. Nếu pháp là “không” tức là không nên “có”. “Không” đây hiện tiền cũng lại thật có. Cho nên, không sanh ra cũng không tiêu diệt. Do đấy nên biết, nếu pháp nói “có” thì không phải có như vậy. Nếu không có như vậy thì phải là không. Trong đây nói “có” lại không thể xác định, tự tánh pháp giới cũng được nói như vậy. Nếu các sắc pháp là thật có “thể” thì đối với đệ nhất nghĩa là không hề có. Cho nên trong đấy các sự tạo tác đều từ huyễn hóa phân biệt khởi lên. Pháp có tánh, hoặc pháp không có tánh, xưa nay như thế. Chẳng phải có tánh, chẳng phải không có tánh cũng lại vậy. Có tánh, không có tánh, tự tánh tương ứng. Tánh và không có tánh, không phải tâm phân biệt. Hoặc nói các pháp đều là không có tự tánh. Hoặc cho các pháp có các sai khác không có tự tánh; trong tất cả các pháp tánh của không tự tánh không thể nói được. Hết thấy chư Phật tùy chuyển trong ba đời, khiến cho tất cả chúng sanh trong thế gian được giải thoát, nhưng cõi chư Phật nhân không tăng trưởng, tánh cũng lại không tăng trưởng; trong tánh chân thật chư Phật thường hiện hữu. Nên biết tất cả pháp phân biệt có bốn là có, hoặc không, là hai và hai loại chẳng phải. Thế gian như huyễn, tâm cũng như vậy. Tại sao không nói mà lại có điều được nói? Tất cả các pháp rộng không, lia các chấp trước. Không cũng không lia tánh chân như kia, trong đó không nên lý luận phân biệt. Từ ý nghĩa đó, nên các pháp không có tánh, nên nói như vậy. Nên biết chư Phật chánh đẳng chánh giác, chẳng phải tánh, chẳng phải không có tánh. Tánh và không có tánh đều lia chấp trước. Đây tức chẳng phải “không”, cũng chẳng phải “chẳng không”, cũng không thể thiết lập, không có và trung gian, cho nên tất cả pháp đều không sanh, không tánh. Vì không sanh, không tánh nên tùy theo tướng “có” khắp nơi để biểu thị. Song nếu chấp vào tướng, nghĩa thì không có gì là được, không có tánh thật để giữ đó tức là chân thật. Các pháp không sanh cũng lại không diệt. Tất cả các pháp kia đều đồng một tướng. Do đồng một tướng nên tất cả các pháp không nhiễm không tịnh. Nếu nói các pháp có sanh có diệt, thì nên biết đều là từ chủng tử phiền não hư vọng sanh khởi. Nếu nói các pháp là vô sanh, thì

đó gọi là tăng ngữ đoạn kiến. Nếu nói các pháp là không diệt, thì đó gọi là tăng ngữ thường kiến. Cho nên biết các pháp lìa ngôn thuyết không thể nói sanh, không thể nói diệt. Trong tất cả các pháp, hoặc sanh hoặc diệt, mà thật sự không có một pháp nhỏ được có. Nếu có khả năng lìa hai loại tăng ngữ tức tất cả pháp chẳng đoạn, chẳng thường; tánh “có”, tánh “không có”, tánh chân thật của tự nó, trong đây không có một chút pháp nào là tướng có thể có được, không một việc nào thật có thể chuyển. Các pháp tuy có sanh nhưng không hề có, trong đó cũng không có cảnh giới thật, trí như hư không, lìa các tướng có, trí và hư không thấy đều bình đẳng. Nên biết tất cả phân biệt, sai biệt là lưới phiền não làm chướng ngại tánh thanh tịnh. Chân như vô tướng lìa các đối tượng duyên. Tự tánh thanh tịnh có ánh sáng lớn. Nên biết chư Phật Thế Tôn vốn tánh chân như, đó là Phật bảo. Nhờ nhân thanh tịnh biểu hiện pháp thanh tịnh mở bày chánh giải, giữ gìn tư tánh đó là Pháp bảo. Chỉ chân thật đạo tự thể tương ứng, đó là Tăng bảo, nên Tam bảo đều là tướng vô vi không phải pháp uẩn v.v... Không phải tập, không có sở hữu, không có tướng, không phân biệt, cho nên chư Phật Thế Tôn trụ trong thắng nghĩa đế đều từ như thật đạo, như thật mà đến, cho nên gọi là Như Lai. Hiểu rõ như thật các pháp vô ngã v.v... do đó hiện các sắc tướng và pháp công đức. Từ khi mới phát tâm tu các thắng hạnh được bất thoái chuyển, cho đến sau cùng là Nhất sanh bổ xứ, thành Chánh đẳng Chánh giác, đây là nhân ấy, từ chân như vô cấu hiện các thân Phật, hiện thân này là do phương tiện sanh để tuyên nói các pháp nhưng không nói về tướng. Tại sao vậy? Vì không có tánh không hề có. Tâm thức thanh tịnh, thức ấy có các sự tạo tác cũng thể hiện như vậy, tuy thể hiện mà không giữ lấy cũng không thể nêu bày. Do thắng nghĩa đế nên không giữ lấy, không thể nêu bày. Không giữ lấy, không nêu bày ở đây, tự thể tánh chân thật cũng không thể nêu bày. Do không thể nêu bày nên không phân biệt. Tánh không phân biệt là thắng nghĩa đế. Trong thắng nghĩa đế tùy sự phân biệt tất cả, tức các âm thanh pháp hiện có. Các pháp như vậy, các pháp đó không có tướng được nói. Tánh của các pháp đều bình đẳng, các pháp vô ngã cũng không có tự tánh. Tánh “có”, tánh “không” tánh, vô tánh, mỗi mỗi tự tánh đều lìa có, lìa không, không thể giữ lấy, không thể nêu bày. Trong đây như vậy hoặc có hoặc không, ngữ nghĩa thâm diệu theo sự lìa tướng mà nói. Các pháp không tướng chứng gọi là Chánh đẳng Chánh giác. Pháp lìa tướng nêu bày gọi là nói chân thật. Không sanh cũng không diệt, ý nghĩa của các pháp sâu xa, mỗi mỗi cảnh giới không ngã và không chuyển, pháp ngoài không thể chuyển, không thể

giữ lấy. Các pháp như thí, giới v.v... tuy nói mà không có tướng, nên đối với tất cả pháp không có gì chấp giữ lấy tướng, tức không hề chấp trước, ở đấy cũng lại không có chỗ tác dụng khác. Nếu có tạo tác cũng gọi là “không”. Tác dụng là “không” nên không có hành tướng thật; trong hành tướng không thật, pháp không tăng không giảm. Nếu hư vọng phân biệt các pháp, thì nên biết tâm kia do tướng chấp chuyển, khởi tâm như vậy là ngu si, chấp vướng tính phiền não nên không được giải thoát. Nếu không khởi tâm hư vọng phân biệt, thì mọi sự tạo tác ấy đều được tịch tĩnh, tâm đó đều là như thật được giải thoát. Do không phân biệt nên tâm tánh thường vắng lặng. Các pháp từ duyên sanh, tuy có xuất sanh mà gọi là không. Nên quán pháp chính nó mà không có các tướng, bậc Chánh đẳng Chánh giác đã dạy như vậy. Nên biết các pháp không hợp không tan, không tự, không tha, không có một pháp nhỏ nào mà có tướng có thể được chấp giữ. Lúc đầu cũng như lúc cuối, trước sau tương ứng, nên tánh chân như kia chiếu sáng rực rỡ. Nếu có thể chiếu thấu suốt tánh chân như, thì các pháp duyên sanh hiển hiện mà vô ngại. Pháp do như huyền, sanh cũng nói như vậy. Trong nói là từ Đại thừa xuất sanh, nên biết tất cả pháp hoặc sanh hoặc diệt chẳng phải do cách suy tìm tứ mà có thể biết được. Tại sao vậy? Các ngữ nghĩa một phía thì không chấp trước. Tánh chân thật kia không thể biết, nên tuy hiện tiền mà không có chỗ nào chấp giữ. Người trí xa lìa như thật lìa ngôn thuyết, tâm phân biệt gọi là màng lưới. Lìa tâm phân biệt liền được giải thoát. Tâm giải thoát kia như hư không bình đẳng. Lời dạy như vậy là pháp sâu xa. Nếu ở đây tin hiểu như thật, là bậc đại trí. Tâm tin hiểu kia cùng với ba cõi v.v... là tâm thanh tịnh lìa các trần cấu, lại có thể xa lìa tất cả nhiễm chấp tức là đối với các pháp không lấy, không bỏ, xa lìa tất cả ngu si nhiễm chấp. Đó tức có thể đạt được mười loại tự tại, đối với tự pháp kia hiểu rõ thật tánh; trong không có tự tánh cũng không có chỗ trụ; ở trong các pháp tin hiểu như thật, an trụ như thật trong sự tin hiểu. Thí như hư không hiện bày khắp tất cả. Tất cả các pháp kia sinh ra đây đủ cũng lại như vậy, là pháp bình đẳng phổ biến hết thảy, không có pháp nào hoặc đến hoặc đi. Do không đến đi, nên các pháp hiện ngay trước mặt. Biết rõ ý nghĩa ấy là thông đạt giáo pháp của Phật. Tất cả pháp sanh đều không vướng mắc, khác pháp này cũng không có pháp riêng, đây là đạo chính yếu nơi các pháp Đại thừa. Lại sâu diệu tối thượng như thật mà chuyển, tâm thức thanh tịnh cho nên tất cả không vướng mắc cùng với lý tất cả pháp không chống trái nhau. Cho nên biết tất cả tâm chấp khắp cùng các pháp. Pháp kia sâu thẳm không phải

dùng trí quan sát, không phải trí nhận biết rõ. Hai lãnh vực có, không đều không thể thiết lập. Vì nghĩa đó nên Bồ-đề của chư Phật không có người năng chứng, không có pháp sở chứng, nên trong pháp Bồ-đề không có chỗ an lập. Nếu có khả năng như thật thật chứng Phật của tự mình thì cùng chính tất cả pháp tương ứng. Các pháp không nhân cũng không có chỗ tạo tác. Các người ngu si suy nghĩ phân biệt. Nếu chấp không nhân rồi lại không có khả năng tích tập các việc phước đức, khởi tâm nhiễm chấp, chiêu cảm quả báo nơi cõi ác. Cho nên người trí ở trong diệu pháp sâu xa này, tin hiểu như thật, tôn trọng cung kính liền được vô lượng phước đức tối thượng, gọi là tu tập chân thật Đại thừa. Cho nên người hiểu rõ đạo này là đạo như thật, là đạo không chấp trước, tối thượng, tối thắng, có thể phát sinh lòng tin thanh tịnh, chư Phật khen ngợi. Có các ngoại đạo tà kiến không thể bỏ tâm chấp trước, pháp thâm diệu này không nên giảng nói cho họ. Nếu thuyết giảng thì không phù hợp với lý.

*Con nay xưng tán pháp tối thượng
Đầu giữa sau thiện, lý tương ứng
Gồm thâm câu: chân thật tối thượng
Sâu xa vi diệu khó suy lường
Hợp các công đức số vô biên
Thí khắp tất cả chúng sanh giới.*

